



NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM
VIETNAM INTERNATIONAL BANK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 283764.26

No.: 283764.26

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 9 năm 2026

Ho Chi Minh City, 18 September 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/State Securities Commission
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/Vietnam Exchange
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/Hochiminh Stock Exchange
Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội/Hanoi Stock Exchange

- Tên tổ chức/Name of organization: NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM (VIB)
VIETNAM INTERNATIONAL BANK (VIB)
Mã chứng khoán/Stock code: VIB
Địa chỉ trụ sở chính/Address: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh
1st floor (ground floor) and 2nd floor of Sailing Tower building, 111A Pasteur, Saigon ward, Ho Chi Minh city
Điện thoại/Tel.: (028) 62999039 Fax: (028) 62999040
Email: congbothongtin@vib.com.vn
- Nội dung thông tin công bố/ Contents of disclosure:
Ngày 18.09.2026, Hội đồng Quản trị VIB đã ban hành Nghị quyết số 051.26.BOD.2 về việc phê duyệt danh sách cuối cùng cán bộ nhân viên VIB được phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động VIB năm 2026.
On 18 September 2026, VIB's Board of Directors issued Resolution No. 051.26.BOD.2 on the approval of the final list of VIB employees eligible for the issuance of bonus shares under VIB 2026 Employee Bonus Share Program.
- Thông tin trên được công bố trên trang thông tin điện tử của VIB vào ngày 18.9.2026 tại đường dẫn <https://www.vib.com.vn/vn/nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin>
This information was published on the VIB's website on 18 September 2026, at the link <https://www.vib.com.vn/vn/nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin>
VIB cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Đại diện tổ chức/Organization representative

Người được ủy quyền CBTT
Person authorized to disclose information

Nguyễn Minh Huệ
Nguyen Minh Hue

Tài liệu đính kèm/Attached documents

- Nghị quyết số 051.26.BOD.2 ngày 18.9.2026/
Resolution No. 051.26.BOD.2 dated 18
September 2026

Số: 051.26.BOD.2

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 09 năm 2026



NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ IX

Phê duyệt danh sách cuối cùng Cán bộ nhân viên VIB (CBNV) chính thức được phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động VIB năm 2026

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB);
Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị số 1003.BOD - 2024(1) ban hành ngày 01.07.2024;
Căn cứ Biên bản kiểm phiếu Hội đồng Quản trị (Biên bản họp HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) số 051.26.BOD ngày 17.09.2026,

QUYẾT NGHỊ

- 1.0 Phê duyệt danh sách CBNV chính thức được phát hành cổ phiếu như sau:
- Phê duyệt Danh sách cuối cùng CBNV chính thức được phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động VIB năm 2026 (tại Danh sách đính kèm), sau khi cập nhật kết quả chốt danh sách tại ngày 11.09.2026 và phương án phân bổ điều chỉnh, bổ sung với thông tin tổng hợp như sau:

Nội dung	Kết quả
Số CBNV được phát hành cổ phiếu thưởng	845 CBNV
Số cổ phiếu phát hành cho CBNV	7.999.561 cổ phiếu
Số cổ phiếu lẻ phát sinh	439 cổ phiếu

- Trong danh sách CBNV chính thức được phát hành cổ phiếu, có 06 CBNV thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định đối với Người nội bộ, đồng thời được phân bổ bổ sung cổ phiếu cụ thể như sau:

Họ và tên	Số ĐKSH	Ngày cấp	Số CP được phân bổ bổ sung
Hàn Ngọc Vũ	001065043154	07/05/2025	986
Ân Thanh Sơn	031071008800	23/03/2021	2.306
Trần Nhất Minh	001072023329	17/05/2021	1.884
Trần Hữu Thuận	079067011397	22/12/2021	427
Phạm Thị Minh Huệ	031183014230	17/06/2022	1.197
Nguyễn Minh Huệ	001176046038	21/09/2021	274

2.0 Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị và cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT
Đặng Khắc Vỹ



Nơi nhận:
- Các TV HĐQT, TV BKS;
- TGĐ, BNS, QLCĐ;
- Lưu TK HĐQT.

010
NG
THUON
Q
V
ANH P

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG CHÍNH THỨC ĐƯỢC PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THƯỜNG NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Chính sách Phát hành cổ phiếu thưởng cho Cán bộ nhân viên VIB năm 2026)

Tên chứng khoán: Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam

Mã chứng khoán: VIB

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				CP đã phân bổ [a]	CP phân bổ điều chỉnh [b]	CP phân bổ bổ sung [c]		Tổng số CP được phân bổ = [a] + [b] + [c]	
Stt	Họ và tên	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm	Theo danh sách CBNV dự kiến ngày 25.06.2026	Phân bổ điều chỉnh cho bà Vũ Thu Hà	CP được sử dụng làm cơ sở tính tỷ lệ	CP được phân bổ bổ sung theo tỷ lệ	Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
1	Nguyễn Xuân Dũng	GD Khối WB	12.0	1,500,000		1,500,000		1,500,000	
2	Nguyễn Thị Mộng Tường	GD Khối RB/Khối Card&UPL	12.0	590,000		590,000		590,000	
3	Ân Thanh Sơn	EM	12.0	78,600		78,600	2,307	80,906	0.93
4	Trần Nhất Minh	EM	12.0	64,200		64,200	1,884	66,084	0.29
5	Trần Tuấn Minh	EM	12.0	60,600		60,600	1,779	62,378	0.62
6	Hà Hoàng Dũng	EM	12.0	48,000		48,000	1,409	49,408	0.81
7	Phạm Thị Minh Huệ	EM	12.0	40,800		40,800	1,197	41,997	0.49
8	Võ Thị Cẩm Tú	EM	12.0	40,800		40,800	1,197	41,997	0.49
9	Đặng Thị Phương Diễm	EM	12.0	39,000		39,000	1,145	40,144	0.66
10	Đỗ Anh Tâm	EM	12.0	35,400		35,400	1,039	36,438	1.00
11	Lê Quốc Bảo	EM	12.0	31,800		31,800	933	32,733	0.34
12	Hàn Ngọc Vũ	EM	12.0	33,600		33,600	986	34,586	0.17
13	Hồ Văn Long	EM	12.0	15,600		15,600	458	16,057	0.86
14	Bùi Công Huân	GM	12.0	19,525		19,525	573	20,098	0.06
15	Hà Hoàng Hiệp	GM	12.0	26,950		26,950	791	27,740	0.99
16	Trần Thị Thu Hà	GM	12.0	25,300		25,300	743	26,042	0.56
17	Lê Thị Ngọc Tân	GM	12.0	24,475		24,475	718	25,193	0.35
18	Nguyễn Trường Giang	GM	12.0	71,500		71,500	2,099	73,598	0.54
19	Lê Hoài Bắc	GM	12.0	22,825		22,825	670	23,494	0.92
20	Nguyễn Ngọc Chí	GM	12.0	20,350		20,350	597	20,947	0.28
21	Tạ Minh Thủy	GM	12.0	17,875		17,875	525	18,399	0.64
22	Trần Thế Anh	GM	12.0	17,875		17,875	525	18,399	0.64
23	Hoàng Việt Đức	GM	12.0	35,200		35,200	1,033	36,233	0.13
24	Nguyễn Ngọc Hiến	GM	12.0	15,400		15,400	452	15,851	0.99
25	Ngô Xuân Dũng	GM	12.0	15,400		15,400	452	15,851	0.99
26	Bùi Đức Thọ	GM	12.0	15,400		15,400	452	15,851	0.99
27	Vũ Thu Hà	GM	12.0	15,400	23,100	38,500	1,130	39,629	0.98
28	Nguyễn Đình Thiện	GM	12.0	21,175		21,175	621	21,796	0.49
29	Hồ Nguyễn Thanh	GM	12.0	33,550		33,550	985	34,534	0.70
30	Đinh Xuân Phúc	GM	12.0	14,575		14,575	428	15,002	0.78
31	Trần Hữu Thuận	GM	12.0	14,575		14,575	428	15,002	0.78
32	Trần Chí Thanh	GM	12.0	15,400		15,400	452	15,851	0.99
33	Cao Tấn Trường	GM	7.1	13,504		13,504	396	13,900	0.35
34	Phạm Dương Hùng	GM	12.0	19,525		19,525	573	20,098	0.06
35	Đinh Ngọc Thanh	GM	12.0	17,050		17,050	500	17,550	0.42
36	Lê Văn Minh	GM	12.0	12,925		12,925	379	13,304	0.35
37	Huỳnh Kim Sang	GM	12.0	31,075		31,075	912	31,987	0.06
38	Bùi Thị Đồng	GM	12.0	12,100		12,100	355	12,455	0.14
39	Nguyễn Trung Kiên	GM	12.0	16,225		16,225	476	16,701	0.21
40	Thái Thị Quỳnh Trang	GM	12.0	16,225		16,225	476	16,701	0.21
41	Nguyễn Văn Lợi	GM	12.0	16,225		16,225	476	16,701	0.21
42	Nguyễn Mai Phương	GM	12.0	10,450		10,450	307	10,756	0.71
43	Vũ Sĩ Thắng	GM	12.0	9,625		9,625	282	9,907	0.50

(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thường			
Stt	Họ và tên	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm
44	Lưu Thị Lan Ngọc	GM	12.0
45	Tăng Thanh Hương	GM	12.0
46	Đào Hoàng Hà	GM	12.0
47	Dương Nghiễm Minh Hạnh	GM	12.0
48	Nguyễn Thị Thu Vân	GM	12.0
49	Nguyễn Xuân Thông	GM	12.0
50	Nguyễn Quang Mai Linh	GM	12.0
51	Trần Phú Thành	GM	12.0
52	Phan Quốc Thái	GM	12.0
53	Nguyễn Kim Chi	GM	12.0
54	Hồ Văn Nhân	GM	12.0
55	Nguyễn Thị Thanh Tâm	MM	12.0
56	Nguyễn Thị Hồng Nhung	MM	12.0
57	Vũ Huy Bình	MM	12.0
58	Nguyễn Thu Trang	MM	12.0
59	Nguyễn Kim Hạnh	MM	12.0
60	Trần Ngọc Minh	MM	12.0
61	Ngô Đức Quốc	MM	12.0
62	Nguyễn Đức Hinh	MM	12.0
63	Phạm Thị Hồng Nhung	MM	12.0
64	Lê Thị Phương Anh	MM	12.0
65	Vũ Thu Hà	MM	12.0
66	Nguyễn Khánh Hoàng	MM	12.0
67	Nguyễn Thanh Tâm	MM	12.0
68	Đỗ Thái Bình	MM	12.0
69	Trà Thanh Phúc	MM	12.0
70	Phan Thị Cẩm Vân	MM	12.0
71	Nguyễn Mạnh Hà	MM	12.0
72	Trương Hoàng Nam Cường	MM	12.0
73	Bùi Thị Thanh Hương	MM	12.0
74	Trần Thị Lê Dung	MM	12.0
75	Cao Minh Vũ	MM	12.0
76	Đồng Thị Khánh Vân	MM	12.0
77	Phan Thị Thu Hằng	MM	12.0
78	Phạm Tường Vi	MM	12.0
79	Trần Phương Nhung	MM	12.0
80	Phạm Tuấn Anh	MM	12.0
81	Nguyễn Xuân Đỗ	MM	12.0
82	Lê Thị Thu Thủy	MM	12.0
83	Phí Văn Bảo	MM	12.0
84	Nguyễn Lê Lâm	MM	12.0
85	Hoàng Nguyễn Danh	MM	12.0
86	Lê Việt Tuấn	MM	12.0
87	Trần Văn Thảo	MM	12.0
88	Phạm Xuân Dũng	MM	12.0
89	Nguyễn Mậu Sáu	MM	12.0
90	Hoàng Đình Hạnh	MM	12.0
91	Ngô Xuân Ngọc	MM	12.0
92	Đặng Đình Thi	MM	12.0

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
CP đã phân bổ [a]					
Theo danh sách CBNV dự kiến ngày 25.06.2026	CP phân bổ điều chỉnh [b] Phân bổ điều chỉnh cho bà Vũ Thu Hà	CP phân bổ bổ sung [c] CP được sử dụng làm cơ sở tính tỷ lệ	CP được phân bổ bổ sung theo tỷ lệ	Tổng số CP được phân bổ = [a] + [b] + [c] Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
45,925		45,925	1,348	47,272	0.91
27,775		27,775	815	28,590	0.20
8,800		8,800	258	9,058	0.28
19,525		19,525	573	20,098	0.06
7,975		7,975	234	8,209	0.07
7,975		7,975	234	8,209	0.07
14,575		14,575	428	15,002	0.78
7,150		7,150	210	7,359	0.85
7,150		7,150	210	7,359	0.85
6,325		6,325	186	6,510	0.64
6,325		6,325	186	6,510	0.64
23,175		23,175	680	23,855	0.19
18,450		18,450	542	18,991	0.51
18,450		18,450	542	18,991	0.51
18,112		18,112	532	18,643	0.59
16,762		16,762	492	17,253	0.97
16,087		16,087	472	16,559	0.16
16,087		16,087	472	16,559	0.16
15,075		15,075	442	15,517	0.45
15,075		15,075	442	15,517	0.45
15,075		15,075	442	15,517	0.45
17,100		17,100	502	17,601	0.89
14,400		14,400	423	14,822	0.64
16,087		16,087	472	16,559	0.16
12,712		12,712	373	13,085	0.10
12,712		12,712	373	13,085	0.10
29,925		29,925	878	30,803	0.31
12,375		12,375	363	12,738	0.21
12,375		12,375	363	12,738	0.21
12,375		12,375	363	12,738	0.21
12,037		12,037	353	12,390	0.29
12,037		12,037	353	12,390	0.29
11,700		11,700	343	12,043	0.40
11,700		11,700	343	12,043	0.40
11,700		11,700	343	12,043	0.40
11,025		11,025	324	11,348	0.59
11,025		11,025	324	11,348	0.59
11,025		11,025	324	11,348	0.59
11,025		11,025	324	11,348	0.59
10,687		10,687	314	11,000	0.67
10,687		10,687	314	11,000	0.67
10,687		10,687	314	11,000	0.67
10,687		10,687	314	11,000	0.67
10,687		10,687	314	11,000	0.67
10,687		10,687	314	11,000	0.67
10,687		10,687	314	11,000	0.67
10,687		10,687	314	11,000	0.67
10,687		10,687	314	11,000	0.67
10,687		10,687	314	11,000	0.67

(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thường			
Stt	Họ và tên	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm
93	Nguyễn Ngọc Quang	MM	12.0
94	Lê Thị Lan Anh	MM	12.0
95	Đoàn Thị Minh Nga	MM	12.0
96	Nguyễn Mai Lan	MM	12.0
97	Mai Thanh Bình	MM	12.0
98	Hoàng Quyết Thắng	MM	12.0
99	Vũ Tiến Anh	MM	12.0
100	Nguyễn Hải Đông	MM	12.0
101	Lương Đức Thọ	MM	12.0
102	Đoàn Tùng Giang	MM	12.0
103	Bùi Thị Hồng Thanh	MM	12.0
104	Nguyễn Xuân Dũng	MM	12.0
105	Phan Hồng Thông	MM	12.0
106	Trần Đăng Khoa	MM	12.0
107	Đinh Duy Tân	MM	10.6
108	Nguyễn Thị Sấm	MM	12.0
109	Vũ Hương Ly	MM	12.0
110	Vũ Thị Hồng	MM	12.0
111	Trần Thanh Hương	MM	12.0
112	Hoàng Đình Long	MM	12.0
113	Hoàng Văn Thiệu	MM	12.0
114	Ngô Thu Thủy	MM	12.0
115	Nguyễn Ngọc Thanh	MM	12.0
116	Nguyễn Minh Huệ	MM	12.0
117	Đỗ Thị Ánh	MM	12.0
118	Lê Trọng Bắc	MM	7.6
119	Đặng Khắc Cường	MM	12.0
120	Bùi Thị Thư	MM	12.0
121	Phạm Bùi Việt Anh	MM	12.0
122	Phan Tuấn Vũ	MM	12.0
123	Lê Thị Thanh	MM	12.0
124	Nguyễn Minh Hoa	MM	12.0
125	Lê Thanh Hằng	MM	12.0
126	Cần Hải Yến	MM	12.0
127	Nguyễn Tiến Anh	MM	12.0
128	Nguyễn Thanh Ngà	MM	12.0
129	Phạm Văn Đức	MM	12.0
130	Phan Thị Thu Hằng	MM	12.0
131	Trần Chí Linh	MM	12.0
132	Võ Hoàng Lân	MM	12.0
133	Diệp Thị Hòa	MM	12.0
134	Trần Quang Hùng	MM	12.0
135	Nguyễn Kim Ngọc	MM	12.0
136	Phạm Thùy Dương	MM	12.0
137	Hà Thu Thảo	MM	12.0
138	Nguyễn Thị Miến	MM	12.0
139	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	MM	12.0
140	Phạm Văn Quỳnh	MM	12.0
141	Đỗ Ngọc Tuyền	MM	12.0

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
CP đã phân bổ [a]	CP phân bổ điều chỉnh [b]	CP phân bổ bổ sung [c]	Tổng số CP được phân bổ = [a] + [b] + [c]		
Theo danh sách CBNV dự kiến ngày 25.06.2026	Phân bổ điều chỉnh cho bà Vũ Thu Hà	CP được sử dụng làm cơ sở tính tỷ lệ	CP được phân bổ bổ sung theo tỷ lệ	Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
10,687		10,687	314	11,000	0.67
10,687		10,687	314	11,000	0.67
10,687		10,687	314	11,000	0.67
10,687		10,687	314	11,000	0.67
10,350		10,350	304	10,653	0.77
10,350		10,350	304	10,653	0.77
10,350		10,350	304	10,653	0.77
10,350		10,350	304	10,653	0.77
10,350		10,350	304	10,653	0.77
10,350		10,350	304	10,653	0.77
10,350		10,350	304	10,653	0.77
10,012		10,012	294	10,305	0.85
10,012		10,012	294	10,305	0.85
9,675		9,675	284	9,958	0.96
9,675		9,675	284	9,958	0.96
9,769		9,769	287	10,055	0.72
9,675		9,675	284	9,958	0.96
9,337		9,337	274	9,611	0.04
9,337		9,337	274	9,611	0.04
9,337		9,337	274	9,611	0.04
9,337		9,337	274	9,611	0.04
9,337		9,337	274	9,611	0.04
9,337		9,337	274	9,611	0.04
10,687		10,687	314	11,000	0.67
10,687		10,687	314	11,000	0.67
9,337		9,337	274	9,611	0.04
9,000		9,000	264	9,264	0.15
8,906		8,906	261	9,167	0.39
9,000		9,000	264	9,264	0.15
8,662		8,662	254	8,916	0.23
11,700		11,700	343	12,043	0.40
8,662		8,662	254	8,916	0.23
8,325		8,325	244	8,569	0.34
8,325		8,325	244	8,569	0.34
8,325		8,325	244	8,569	0.34
8,325		8,325	244	8,569	0.34
8,325		8,325	244	8,569	0.34
10,012		10,012	294	10,305	0.85
8,325		8,325	244	8,569	0.34
7,987		7,987	234	8,221	0.42
7,987		7,987	234	8,221	0.42
7,987		7,987	234	8,221	0.42
7,987		7,987	234	8,221	0.42
7,987		7,987	234	8,221	0.42
7,987		7,987	234	8,221	0.42
7,987		7,987	234	8,221	0.42
7,987		7,987	234	8,221	0.42
7,987		7,987	234	8,221	0.42
7,987		7,987	234	8,221	0.42
10,350		10,350	304	10,653	0.77
9,337		9,337	274	9,611	0.04
7,987		7,987	234	8,221	0.42

(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thường			
Stt	Họ và tên	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm
142	Đinh Thị Huyền	MM	12.0
143	Bùi Anh Dũng	MM	12.0
144	Quản Thị Uyên Phương	MM	12.0
145	Nguyễn Mạnh Hùng	MM	12.0
146	Đặng Khắc Hùng	MM	12.0
147	Nguyễn Thùy Linh	MM	12.0
148	Nguyễn Ngọc Xuân Phương	MM	12.0
149	Phạm Quang Huy	MM	12.0
150	Phạm Thị Thủy	MM	12.0
151	Nguyễn Thị Cẩm Tú	MM	12.0
152	Trần Thị Thanh Trà	MM	12.0
153	Trần Thị Thu Trang	MM	12.0
154	Phan Xuân Hỷ	MM	12.0
155	Nguyễn Sỹ Dương	MM	12.0
156	Trương Thị Thanh Thúy	MM	12.0
157	Ngô Trần Bích Phương	MM	12.0
158	Nguyễn Hồng Hà	MM	12.0
159	Phạm Thị Thu Hương	MM	12.0
160	Phạm Thủy Linh	MM	12.0
161	Trần Linh Chi	MM	12.0
162	Lại Bảo Hân	MM	12.0
163	Ngô Thanh Hiệp	MM	12.0
164	Đặng Khắc Mạnh	MM	12.0
165	Ngô Nhất Linh	MM	12.0
166	Phạm Đình Lễ	MM	12.0
167	Nguyễn Anh Tuấn	MM	12.0
168	Hoàng Văn Thắng	MM	12.0
169	Bùi Văn Lâm	MM	12.0
170	Keo Hoàng Phương	MM	12.0
171	Võ Ngọc Quý	MM	12.0
172	Nguyễn Văn Trường	MM	12.0
173	Đỗ Thị Hồng Thoa	MM	12.0
174	Bùi Thị Huyền	MM	12.0
175	Bạch Thái Vinh	MM	12.0
176	Trần Anh Tuấn	MM	12.0
177	Đào Bá Tú	MM	12.0
178	Nguyễn Thị Hương	MM	12.0
179	Trịnh Thanh Hương	MM	12.0
180	Nguyễn Thái Bình	MM	12.0
181	Phạm Hoài Phương	MM	12.0
182	Nguyễn Thành Trung	MM	12.0
183	Huỳnh Ánh Nhung	MM	12.0
184	Huỳnh Trung Hiếu	MM	12.0
185	Nguyễn Duy Lâm	MM	12.0
186	Nguyễn Hữu Anh	MM	12.0
187	Nguyễn Giang Nam	MM	12.0
188	Trần Văn Chính	MM	12.0
189	Hoàng Văn Phú	MM	12.0
190	Thăng Thị Minh Khuyên	MM	12.0

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
CP đã phân bổ [a]	CP phân bổ điều chỉnh [b]	CP phân bổ bổ sung [c]	Tổng số CP được phân bổ = [a] + [b] + [c]		
Theo danh sách CBNV dự kiến ngày 25.06.2026	Phân bổ điều chỉnh cho bà Vũ Thu Hà	CP được sử dụng làm cơ sở tính tỷ lệ	CP được phân bổ bổ sung theo tỷ lệ	Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
7,987		7,987	234	8,221	0.42
7,987		7,987	234	8,221	0.42
7,987		7,987	234	8,221	0.42
7,987		7,987	234	8,221	0.42
7,650		7,650	225	7,874	0.53
7,650		7,650	225	7,874	0.53
24,525		24,525	720	25,244	0.81
7,650		7,650	225	7,874	0.53
7,650		7,650	225	7,874	0.53
17,100		17,100	502	17,601	0.89
7,650		7,650	225	7,874	0.53
8,662		8,662	254	8,916	0.23
7,312		7,312	215	7,526	0.61
7,312		7,312	215	7,526	0.61
7,312		7,312	215	7,526	0.61
5,625		5,625	165	5,790	0.10
8,325		8,325	244	8,569	0.34
8,325		8,325	244	8,569	0.34
7,312		7,312	215	7,526	0.61
7,312		7,312	215	7,526	0.61
33,975		33,975	997	34,972	0.17
7,312		7,312	215	7,526	0.61
6,975		6,975	205	7,179	0.72
6,975		6,975	205	7,179	0.72
6,975		6,975	205	7,179	0.72
6,975		6,975	205	7,179	0.72
6,975		6,975	205	7,179	0.72
6,975		6,975	205	7,179	0.72
6,975		6,975	205	7,179	0.72
13,050		13,050	383	13,433	0.02
6,637		6,637	195	6,831	0.80
6,637		6,637	195	6,831	0.80
6,637		6,637	195	6,831	0.80
6,637		6,637	195	6,831	0.80
6,637		6,637	195	6,831	0.80
6,637		6,637	195	6,831	0.80
6,637		6,637	195	6,831	0.80
6,637		6,637	195	6,831	0.80
6,637		6,637	195	6,831	0.80
6,637		6,637	195	6,831	0.80
6,637		6,637	195	6,831	0.80
6,637		6,637	195	6,831	0.80
6,637		6,637	195	6,831	0.80
6,637		6,637	195	6,831	0.80
6,300		6,300	185	6,484	0.91
6,300		6,300	185	6,484	0.91
6,300		6,300	185	6,484	0.91
8,662		8,662	254	8,916	0.23

(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thường			
Stt	Họ và tên	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm
289	Hà Thanh Thế	MM	12.0
290	Nguyễn Thị Thanh Dân	MM	12.0
291	Nguyễn Phùng Nam	MM	12.0
292	Lê Ngọc Thành	MM	12.0
293	Nguyễn Ngọc Hiếu	MM	12.0
294	Nguyễn Thế Bằng	MM	12.0
295	Lê Hải Ninh	MM	12.0
296	Phùng Thị Lệ Thương	MM	12.0
297	Nguyễn Anh Tuấn	MM	12.0
298	Hà Nam Sơn	MM	12.0
299	Lê Thị Hà	MM	12.0
300	Phạm Thanh Hải	MM	12.0
301	Nguyễn Thị Cẩm Tú	MM	12.0
302	Đỗ Ngọc Duy	MM	12.0
303	Ngô Vinh Phúc	MM	12.0
304	Bùi Văn Linh	MM	12.0
305	Vũ Thị Yến	MM	7.4
306	Vũ Mạnh Đức	MM	12.0
307	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	MM	12.0
308	Hoàng Trọng Huy	MM	12.0
309	Hoàng Thế Kỳ	MM	12.0
310	Nguyễn Huyền Minh	MM	7.9
311	Nguyễn Thanh Kim Nguyên	MM	12.0
312	Nguyễn Tố Quỳnh	MM	11.6
313	Võ Văn Sơn	MM	12.0
314	Phùng Thị Bích Ngọc	MM	12.0
315	Đỗ Thành Dũng	MM	12.0
316	Nguyễn Thế Nhân	MM	12.0
317	Trần Quốc Lâm	MM	12.0
318	Phan Tiến Dũng	MM	12.0
319	Lê Ngọc Huân	MM	12.0
320	Ngô Ngọc Luận	MM	12.0
321	Đào Quốc Huỳnh	MM	12.0
322	Mai Văn Duẩn	MM	12.0
323	Phạm Văn Trí	MM	12.0
324	Đặng Văn Vũ	MM	12.0
325	Nguyễn Văn Khôi	MM	12.0
326	Đoàn Quốc Vinh	MM	12.0
327	Huỳnh Thị Thu Hoài	MM	12.0
328	Nguyễn Phúc Toàn	MM	12.0
329	Trần Ba	MM	12.0
330	Lê Quốc Toàn	MM	12.0
331	Trần Văn Huy	MM	12.0
332	Lê Thanh Toàn	MM	11.8
333	Vũ Minh Hiến	MM	5.9
334	Huỳnh Minh Sơn	MM	12.0
335	Nguyễn Trọng Nhân	MM	12.0
336	Quách Văn Tùng	MM	12.0
337	Tạ Việt Đức	MM	12.0

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
CP đã phân bổ [a]	CP phân bổ điều chỉnh [b]	CP phân bổ bổ sung [c]	CP được phân bổ bổ sung theo tỷ lệ	Tổng số CP được phân bổ = [a] + [b] + [c]	Số CP lẻ phát sinh
Theo danh sách CBNV dự kiến ngày 25.06.2026	Phân bổ điều chỉnh cho bà Vũ Thu Hà	CP được sử dụng làm cơ sở tính tỷ lệ	CP được phân bổ bổ sung theo tỷ lệ	Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
4,275		4,275	125	4,400	0.47
4,275		4,275	125	4,400	0.47
4,275		4,275	125	4,400	0.47
4,275		4,275	125	4,400	0.47
4,275		4,275	125	4,400	0.47
4,275		4,275	125	4,400	0.47
4,275		4,275	125	4,400	0.47
4,275		4,275	125	4,400	0.47
4,275		4,275	125	4,400	0.47
4,275		4,275	125	4,400	0.47
3,937		3,937	116	4,052	0.55
3,937		3,937	116	4,052	0.55
3,937		3,937	116	4,052	0.55
3,937		3,937	116	4,052	0.55
3,937		3,937	116	4,052	0.55
3,937		3,937	116	4,052	0.55
3,937		3,937	116	4,052	0.55
3,703		3,703	109	3,811	0.68
3,600		3,600	106	3,705	0.66
3,806		3,806	112	3,917	0.71
3,600		3,600	106	3,705	0.66
3,600		3,600	106	3,705	0.66
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,199		3,199	94	3,292	0.89
8,690		8,690	255	8,945	0.05
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74

(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thường			
Stt	Họ và tên	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm
338	Nguyễn Kinh Luân	MM	12.0
339	Trần Tuấn Phúc	MM	12.0
340	Ông Văn Long	MM	12.0
341	Lê Thúc Nguyên Vũ	MM	12.0
342	Lê Thị Tuyền	MM	12.0
343	Nguyễn Văn Triệu	MM	12.0
344	Lê Văn Khánh	MM	12.0
345	Vũ Đình Hùng	MM	12.0
346	Trần Văn Tuyền	MM	12.0
347	Lê Minh Thư	MM	12.0
348	Lê Đăng Quyết	MM	12.0
349	Đỗ Lê Minh	MM	12.0
350	Cung Quang Thanh	MM	12.0
351	Nguyễn Bảo Trung	MM	12.0
352	Nguyễn Thị Thu Hà	MM	12.0
353	Nguyễn Minh Tuấn	MM	12.0
354	Bùi Đình Thượng	MM	12.0
355	Ngô Tùng Hưng	MM	6.8
356	Trần Ngọc Anh Thư	MM	12.0
357	Nguyễn Khắc Dũng	MM	11.5
358	Lê Thị Hằng	MM	10.9
359	Nguyễn Thị Hồng Thắng	MM	12.0
360	Hà Thị Huyền Trang	MM	12.0
361	Phạm Nguyễn Đăng Thanh	MM	8.2
362	Phạm Nghị Định	MM	12.0
363	Lê Hoài Thảo	MM	9.7
364	Trần Minh Đức	MM	7.8
365	Nguyễn Thị Linh	MM	12.0
366	Trương Thị Phương Mỹ	MM	9.9
367	Nguyễn Văn Luận	MM	12.0
368	Đoàn Ngọc Quang	MM	12.0
369	Phùng Minh Tiến	MM	9.6
370	Đỗ Hữu Nghĩa	MM	12.0
371	Phan Song Hiếu	MM	12.0
372	Lê Văn Mười	MM	12.0
373	Chu Tuấn Tùng	MM	4.8
374	Nguyễn Quốc Long	MM	6.9
375	Lê Tuấn Dũng	MM	7.2
376	Nguyễn Ngọc Hùng	MM	5.3
377	Nguyễn Thanh Thủy	MM	12.0
378	Lê Anh Đào	MM	9.0
379	Nguyễn Thành Mung	MM	12.0
380	Trương Quang Dũng	MM	12.0
381	Trần Đình Huy	MM	8.7
382	Hoàng Hữu Thuận	MM	6.5
383	Đào Thị Trúc Ly	MM	6.5
384	Bùi Thị Thơ	MM	7.0
385	Nguyễn Hữu Nguyên	MM	3.9
386	Trần Nguyễn Bình	MM	6.0

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
CP đã phân bổ [a]	CP phân bổ điều chỉnh [b]	CP phân bổ bổ sung [c]		Tổng số CP được phân bổ = [a] + [b] + [c]	
Theo danh sách CBNV dự kiến ngày 25.06.2026	Phân bổ điều chỉnh cho bà Vũ Thu Hà	CP được sử dụng làm cơ sở tính tỷ lệ	CP được phân bổ bổ sung theo tỷ lệ	Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,187		3,187	94	3,280	0.54
3,262		3,262	96	3,357	0.74
3,126		3,126	92	3,217	0.75
2,963		2,963	87	3,049	0.96
2,925		2,925	86	3,010	0.85
2,925		2,925	86	3,010	0.85
2,909		2,909	85	2,994	0.38
2,925		2,925	86	3,010	0.85
2,628		2,628	77	2,705	0.13
2,790		2,790	82	2,871	0.89
2,587		2,587	76	2,662	0.93
2,691		2,691	79	2,769	0.98
2,587		2,587	76	2,662	0.93
2,587		2,587	76	2,662	0.93
2,610		2,610	77	2,686	0.60
2,587		2,587	76	2,662	0.93
2,587		2,587	76	2,662	0.93
2,537		2,537	74	2,611	0.46
2,470		2,470	72	2,542	0.50
2,576		2,576	76	2,651	0.61
2,484		2,484	73	2,556	0.91
2,587		2,587	76	2,662	0.93
2,437		2,437	72	2,508	0.53
2,250		2,250	66	2,316	0.04
2,250		2,250	66	2,316	0.04
2,356		2,356	69	2,425	0.15
2,303		2,303	68	2,370	0.59
2,303		2,303	68	2,370	0.59
2,285		2,285	67	2,352	0.07
2,157		2,157	63	2,220	0.31
2,125		2,125	62	2,187	0.37

(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thường			
Stt	Họ và tên	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm
387	Phan Tuấn Dương	MM	5.5
388	Nguyễn Nam Hùng	MM	5.1
389	Nguyễn Văn Dũng	MM	4.4
390	Trần Tấn Thuận	MM	4.6
391	Tạ Bảo Châu	MM	4.4
392	Nguyễn Thanh Hải	MM	3.7
393	Nguyễn Khắc Hiếu	MM	5.0
394	Đinh Xuân Bách	MM	4.4
395	Nguyễn Thế Thư	MM	3.2
396	Huỳnh Võ Gia Tiên	MM	3.5
397	Trương Lê Ngọc Trâm	PRO	11.0
398	Nguyễn Quang Huy	PRO	12.0
399	Nguyễn Thị Mỹ Uyên	PRO	12.0
400	Lê Thị Minh Hiền	PRO	12.0
401	Trịnh Phương Thảo	PRO	12.0
402	Trần Thanh Hoa	PRO	12.0
403	Trần Đặng Trung	PRO	12.0
404	Lê Anh Tuấn	PRO	12.0
405	Tạ Thị Lan Diệp	PRO	12.0
406	Phạm Hoàng Tuấn	PRO	12.0
407	Vũ Anh Tuấn	PRO	12.0
408	Phạm Ngọc Tân	PRO	12.0
409	Nguyễn Thị Tâm	PRO	12.0
410	Nguyễn Thị Quế Vinh	PRO	12.0
411	Đỗ Thị Minh Nguyệt	PRO	12.0
412	Võ Chí Công	PRO	12.0
413	Nguyễn Anh Dũng	PRO	12.0
414	Nguyễn Hùng Tiến	PRO	12.0
415	Nguyễn Công Anh	PRO	12.0
416	Phùng Vũ Dung	PRO	12.0
417	Trần Thị Thùy Dương	PRO	12.0
418	Bùi Thị Hương	PRO	12.0
419	Lưu Thị Ngọc Lan	PRO	12.0
420	Trần Thị Quỳnh Trang	PRO	12.0
421	Nguyễn Đình Tú	PRO	12.0
422	Nguyễn Đức Trung	PRO	12.0
423	Trần Anh Dũng	PRO	12.0
424	Đặng Văn Đắc	PRO	12.0
425	Trần Phi Hậu	PRO	12.0
426	Nguyễn Công Hoan	PRO	12.0
427	Trần Thị Tuyết Loan	PRO	12.0
428	Lê Thị Kim Hào	PRO	12.0
429	Nguyễn Đình Anh Tú	PRO	12.0
430	Trần Tuấn Anh	PRO	12.0
431	Đào Thị Thúy Nga	PRO	12.0
432	Nguyễn Thanh Thảo	PRO	12.0
433	Nguyễn Thị Hải Yến	PRO	12.0
434	Nguyễn Thị Khánh Vi	PRO	12.0
435	Phan Thị Minh Hiếu	PRO	12.0

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
CP đã phân bổ [a]					
Theo danh sách CBNV dự kiến ngày 25.06.2026	CP phân bổ điều chỉnh [b] Phân bổ điều chỉnh cho bà Vũ Thu Hà	CP phân bổ bổ sung [c] CP được sử dụng làm cơ sở tính tỷ lệ	CP được phân bổ bổ sung theo tỷ lệ	Tổng số CP được phân bổ = [a] + [b] + [c] Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
1,793		1,793	53	1,845	0.62
1,805		1,805	53	1,857	0.98
1,815		1,815	53	1,868	0.27
1,638		1,638	48	1,686	0.08
1,567		1,567	46	1,612	0.99
1,306		1,306	38	1,344	0.33
1,359		1,359	40	1,398	0.89
1,196		1,196	35	1,231	0.10
1,128		1,128	33	1,161	0.11
1,040		1,040	31	1,070	0.52
13,635		13,635	400	14,035	0.19
10,030		10,030	294	10,324	0.38
5,567		5,567	163	5,730	0.39
10,157		10,157	298	10,455	0.11
12,452		12,452	365	12,817	0.47
10,412		10,412	306	10,717	0.59
10,030		10,030	294	10,324	0.38
10,030		10,030	294	10,324	0.38
5,567		5,567	163	5,730	0.39
9,775		9,775	287	10,061	0.90
9,392		9,392	276	9,667	0.66
9,265		9,265	272	9,536	0.93
10,412		10,412	306	10,717	0.59
10,412		10,412	306	10,717	0.59
8,882		8,882	261	9,142	0.69
8,627		8,627	253	8,880	0.20
8,627		8,627	253	8,880	0.20
8,627		8,627	253	8,880	0.20
8,627		8,627	253	8,880	0.20
8,500		8,500	249	8,749	0.48
8,245		8,245	242	8,486	0.99
8,117		8,117	238	8,355	0.24
7,990		7,990	235	8,224	0.51
7,862		7,862	231	8,092	0.75
7,862		7,862	231	8,092	0.75
7,862		7,862	231	8,092	0.75
7,862		7,862	231	8,092	0.75
7,735		7,735	227	7,962	0.02
7,735		7,735	227	7,962	0.02
9,137		9,137	268	9,405	0.17
7,607		7,607	223	7,830	0.27
7,607		7,607	223	7,830	0.27
7,607		7,607	223	7,830	0.27
7,607		7,607	223	7,830	0.27
7,480		7,480	220	7,699	0.54
7,480		7,480	220	7,699	0.54
7,480		7,480	220	7,699	0.54
7,352		7,352	216	7,567	0.78

(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng			
Stt	Họ và tên	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm
485	Phan Thị Thương Huyền	PRO	12.0
486	Phan Hoàng Hiệp	PRO	12.0
487	Cao Hoàng Minh	PRO	12.0
488	Nguyễn Thị Thực Trang	PRO	12.0
489	Dương Danh Phương	PRO	12.0
490	Nguyễn Thị Thu Hiền	PRO	12.0
491	Ngô Quốc Khánh	PRO	9.9
492	Hoàng Quốc Hưng	PRO	12.0
493	Nguyễn Thị Lê Hằng	PRO	12.0
494	Nguyễn Thị Sơn Hà	PRO	12.0
495	Nguyễn Đào Anh Khoa	PRO	12.0
496	Tạ Văn Thành	PRO	12.0
497	Phạm Vĩnh Phước	PRO	12.0
498	Nguyễn Thị Hoa	PRO	12.0
499	Phạm Thị Thanh Huyền	PRO	12.0
500	Nguyễn Minh Tiến	PRO	12.0
501	Hà Lê Thùy	PRO	12.0
502	Phạm Thương Huyền	PRO	12.0
503	Nguyễn Thị Huyền	PRO	12.0
504	Lê Trần Hải	PRO	12.0
505	Nguyễn Minh Báo	PRO	12.0
506	Nguyễn Ngọc Hiến	PRO	12.0
507	Hoàng Hữu Phương	PRO	12.0
508	Võ Thị Thảo Nguyễn	PRO	12.0
509	Nguyễn Minh Thiện	PRO	12.0
510	Trần Nguyễn Nhã	PRO	10.8
511	Trần Ngọc Vinh	PRO	12.0
512	Nguyễn Thị Hoa	PRO	12.0
513	Vũ Hoàng Hường Lan	PRO	12.0
514	Phạm Thị Minh Nguyệt	PRO	12.0
515	Trần Văn Tốt	PRO	12.0
516	Võ Lê Thanh Tùng	PRO	12.0
517	Đinh Thị Mỹ Hương	PRO	12.0
518	Đặng Văn Dũng	PRO	12.0
519	Đặng Thị Thanh Nga	PRO	12.0
520	Trần Thị Huệ	PRO	12.0
521	Nguyễn Vũ Ngọc Linh	PRO	12.0
522	Huỳnh Thị Thuý Tiên	PRO	12.0
523	Nguyễn Thị Lý	PRO	12.0
524	Nguyễn Tiến Phát	PRO	12.0
525	Lê Quý Phúc	PRO	12.0
526	Nguyễn Hải Hà	PRO	12.0
527	Ngô Tấn Bình	PRO	12.0
528	Vũ Thị Mai	PRO	12.0
529	Nguyễn Thị Thanh Thủy	PRO	12.0
530	Nguyễn Thu Hiền	PRO	12.0
531	Lê Thị Thu Hương	PRO	10.7
532	Nguyễn Thị Thu Mai	PRO	12.0
533	Phan Thanh Huy	PRO	12.0

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
CP đã phân bổ [a]					
Theo danh sách CBNV dự kiến ngày 25.06.2026	Phân bổ điều chỉnh cho bà Vũ Thu Hà	CP phân bổ bổ sung [c]	CP được phân bổ bổ sung theo tỷ lệ	Tổng số CP được phân bổ = [a] + [b] + [c]	Số CP lẻ phát sinh
6,077		6,077	178	6,255	0.36
6,077		6,077	178	6,255	0.36
6,077		6,077	178	6,255	0.36
6,077		6,077	178	6,255	0.36
6,077		6,077	178	6,255	0.36
5,950		5,950	175	6,124	0.63
5,960		5,960	175	6,134	0.93
5,950		5,950	175	6,124	0.63
5,950		5,950	175	6,124	0.63
5,950		5,950	175	6,124	0.63
5,822		5,822	171	5,992	0.88
5,822		5,822	171	5,992	0.88
4,547		4,547	133	4,680	0.46
5,695		5,695	167	5,862	0.15
5,695		5,695	167	5,862	0.15
5,695		5,695	167	5,862	0.15
8,755		8,755	257	9,011	0.96
5,695		5,695	167	5,862	0.15
6,460		6,460	190	6,649	0.60
5,567		5,567	163	5,730	0.39
5,567		5,567	163	5,730	0.39
5,567		5,567	163	5,730	0.39
5,469		5,469	161	5,629	0.52
6,970		6,970	205	7,174	0.57
5,440		5,440	160	5,599	0.67
3,017		3,017	89	3,105	0.55
5,440		5,440	160	5,599	0.67
8,372		8,372	246	8,617	0.72
5,312		5,312	156	5,467	0.91
11,432		11,432	336	11,767	0.53
4,292		4,292	126	4,417	0.97
8,372		8,372	246	8,617	0.72
5,185		5,185	152	5,337	0.18
5,185		5,185	152	5,337	0.18
5,185		5,185	152	5,337	0.18
5,185		5,185	152	5,337	0.18
5,185		5,185	152	5,337	0.18
5,185		5,185	152	5,337	0.18
5,057		5,057	148	5,205	0.42
5,057		5,057	148	5,205	0.42
5,057		5,057	148	5,205	0.42
5,093		5,093	149	5,242	0.48
5,057		5,057	148	5,205	0.42
5,057		5,057	148	5,205	0.42



(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thường			
Stt	Họ và tên	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm
583	Nguyễn Đăng Thanh Hà	PRO	12.0
584	Ngô Xuân Hào	PRO	12.0
585	Lê Đức Tín	PRO	12.0
586	Man Ngọc Lam	PRO	12.0
587	Nguyễn Trung Thủy	PRO	12.0
588	Đỗ Văn Việt	PRO	12.0
589	Trần Thị Hoàng Phương	PRO	10.9
590	Đặng Hoàng Tuấn	PRO	12.0
591	Trần Huyền Trang	PRO	12.0
592	Hà Lê Phương Mai	PRO	12.0
593	Lý Mỹ Tiên	PRO	12.0
594	Nguyễn Khánh Ái Hậu	PRO	12.0
595	Ngô Thị Bích Ngân	PRO	12.0
596	Mai Hoàng Hiếu	PRO	12.0
597	Hoàng Hải Yến	PRO	12.0
598	Nguyễn Việt Nga	PRO	12.0
599	Lê Thị Bảo Sau	PRO	12.0
600	Dương Khánh Tâm	PRO	12.0
601	Huỳnh Nhật Minh	PRO	12.0
602	Kim Bảo Long	PRO	11.5
603	Nguyễn Thị Thắm	PRO	12.0
604	Lý Văn Vũ	PRO	12.0
605	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	PRO	12.0
606	Trần Ngọc Tuyết Anh	PRO	12.0
607	Lê Thị Thanh Thủy	PRO	12.0
608	Nguyễn Thị Ngọc Anh	PRO	12.0
609	Cao Minh Thắng	PRO	12.0
610	Trần Xuân Cảnh	PRO	12.0
611	Võ Thị Cẩm Thanh	PRO	12.0
612	Phạm Ánh Ngọc	PRO	12.0
613	Luyện Thị Thu Hiền	PRO	12.0
614	Hoàng Gia Lê	PRO	12.0
615	Hồ Thị Ngọc	PRO	12.0
616	Vũ Hoàng Yến	PRO	12.0
617	Phạm Hồ Diệp	PRO	12.0
618	Phan Dương Tấn	PRO	12.0
619	Nguyễn Kim Yến	PRO	11.4
620	Hoàng Tuấn Dũng	PRO	12.0
621	Phan Bích Vân	PRO	12.0
622	Vũ Mạnh Hùng	PRO	12.0
623	Nguyễn Thị Vương Thục	PRO	12.0
624	Trần Quang	PRO	12.0
625	Nguyễn Tuấn Anh	PRO	12.0
626	Vân Phạm Trung	PRO	12.0
627	Đỗ Thành Thủy	PRO	12.0
628	Nguyễn Thành Sơn	PRO	12.0
629	Vũ Thị Phương	PRO	12.0
630	Nguyễn Thanh Hải	PRO	12.0
631	Nguyễn Thị Thanh Huyền	PRO	12.0

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
CP đã phân bổ [a]					
Theo danh sách CBNV dự kiến ngày 25.06.2026	CP phân bổ điều chỉnh cho bà Vũ Thu Hà	CP phân bổ bổ sung [c]	CP được phân bổ bổ sung theo tỷ lệ	Tổng số CP được phân bổ = [a] + [b] + [c]	Số CP lẻ phát sinh
11,177		11,177	328	11,505	0.05
7,862		7,862	231	8,092	0.75
4,802		4,802	141	4,942	0.94
4,802		4,802	141	4,942	0.94
4,802		4,802	141	4,942	0.94
4,802		4,802	141	4,942	0.94
4,695		4,695	138	4,832	0.80
4,675		4,675	137	4,812	0.21
4,675		4,675	137	4,812	0.21
4,675		4,675	137	4,812	0.21
4,675		4,675	137	4,812	0.21
4,675		4,675	137	4,812	0.21
4,675		4,675	137	4,812	0.21
4,675		4,675	137	4,812	0.21
7,735		7,735	227	7,962	0.02
4,675		4,675	137	4,812	0.21
4,675		4,675	137	4,812	0.21
7,735		7,735	227	7,962	0.02
4,675		4,675	137	4,812	0.21
4,615		4,615	135	4,750	0.45
4,547		4,547	133	4,680	0.46
4,547		4,547	133	4,680	0.46
4,547		4,547	133	4,680	0.46
4,547		4,547	133	4,680	0.46
5,185		5,185	152	5,337	0.18
5,185		5,185	152	5,337	0.18
5,185		5,185	152	5,337	0.18
4,420		4,420	130	4,549	0.73
4,420		4,420	130	4,549	0.73
4,420		4,420	130	4,549	0.73
5,057		5,057	148	5,205	0.42
5,057		5,057	148	5,205	0.42
5,057		5,057	148	5,205	0.42
4,802		4,802	141	4,942	0.94
4,320		4,320	127	4,446	0.79
4,292		4,292	126	4,417	0.97
4,292		4,292	126	4,417	0.97
4,292		4,292	126	4,417	0.97
4,292		4,292	126	4,417	0.97
4,802		4,802	141	4,942	0.94
4,802		4,802	141	4,942	0.94
4,802		4,802	141	4,942	0.94
5,312		5,312	156	5,467	0.91
4,802		4,802	141	4,942	0.94
5,312		5,312	156	5,467	0.91
4,292		4,292	126	4,417	0.97

11/7/2026 10:00 AM

(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thường			
Stt	Họ và tên	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm
730	Dương Mạnh Dũng	PRO	12.0
731	Đinh Tiến Hoàng	PRO	12.0
732	Đoàn Đức Thuận	PRO	12.0
733	Nguyễn Tiến Hoàng	PRO	12.0
734	Nguyễn Việt Thắng	PRO	12.0
735	Nghiêm Diễm Thúy	PRO	12.0
736	Trần Thị Phương Linh	PRO	12.0
737	Nguyễn Phú Hiến	PRO	12.0
738	Vũ Huy Hoàng	PRO	12.0
739	Hán Tiêu Dương	PRO	12.0
740	Nguyễn Quang Minh	PRO	12.0
741	Nguyễn Thủy Ngân	PRO	12.0
742	Nguyễn Đức Lộc	PRO	12.0
743	Tạ Thị Thu Hiến	PRO	12.0
744	Lâm Thị Mỹ Hạnh	PRO	9.4
745	Lê Thu Phương	PRO	12.0
746	Phan Thụy Bảo Khánh	PRO	12.0
747	Lê Vũ Thủy Trang	PRO	12.0
748	Nguyễn Hải Văn	PRO	11.7
749	Đặng Văn Tâm	PRO	12.0
750	Cung Thị Thanh Thủy	PRO	12.0
751	Trần Liên Hương	PRO	12.0
752	Phạm Hoàng Khang	PRO	10.7
753	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	PRO	12.0
754	Đỗ Hoàng Yến	PRO	12.0
755	Võ Thị Thúy An	PRO	12.0
756	Trần Thị Lan Anh	PRO	12.0
757	Đỗ Trọng Trương	PRO	6.9
758	Dương Việt Hùng	PRO	12.0
759	Trần Minh Hiến	PRO	12.0
760	Lương Ngọc Hà	PRO	12.0
761	Tạ Duy Tiến	PRO	12.0
762	Đỗ Thị Kim Xuyên	PRO	12.0
763	Hà Tuấn Vũ	PRO	12.0
764	Tạ Hải Đăng	PRO	12.0
765	Trần Thị Tuyết Trinh	PRO	10.8
766	Vương Hữu Phước	PRO	12.0
767	Nguyễn Thu Linh	PRO	11.7
768	Hà Thị Hải Anh	PRO	12.0
769	Nguyễn Thị Hiền	PRO	12.0
770	Phạm Quang Huy	PRO	12.0
771	Nguyễn Hiến Nhân	PRO	12.0
772	Lê Chí Quan	PRO	12.0
773	Phan Thị Hương Giang	PRO	12.0
774	Đặng Công Nin	PRO	12.0
775	Hoàng Nghĩa Trung	PRO	12.0
776	Dương Quốc Triết	PRO	12.0
777	Trịnh Nữ Hà Phương	PRO	12.0
778	Phạm Văn Sinh	PRO	10.2

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
CP đã phân bổ [a]	CP phân bổ điều chỉnh [b]	CP phân bổ bổ sung [c]	Tổng số CP được phân bổ = [a] + [b] + [c]		
Theo danh sách CBNV dự kiến ngày 25.06.2026	Phân bổ điều chỉnh cho bà Vũ Thu Hà	CP được sử dụng làm cơ sở tính tỷ lệ	CP được phân bổ bổ sung theo tỷ lệ	Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
3,782		3,782	111	3,893	0.00
3,782		3,782	111	3,893	0.00
3,782		3,782	111	3,893	0.00
3,782		3,782	111	3,893	0.00
3,782		3,782	111	3,893	0.00
3,782		3,782	111	3,893	0.00
3,782		3,782	111	3,893	0.00
3,782		3,782	111	3,893	0.00
3,782		3,782	111	3,893	0.00
3,782		3,782	111	3,893	0.00
3,782		3,782	111	3,893	0.00
3,782		3,782	111	3,893	0.00
3,782		3,782	111	3,893	0.00
3,655		3,655	107	3,762	0.28
3,675		3,675	108	3,782	0.86
3,655		3,655	107	3,762	0.28
3,655		3,655	107	3,762	0.28
3,655		3,655	107	3,762	0.28
3,698		3,698	109	3,806	0.54
3,655		3,655	107	3,762	0.28
3,655		3,655	107	3,762	0.28
3,655		3,655	107	3,762	0.28
3,588		3,588	105	3,693	0.31
3,655		3,655	107	3,762	0.28
5,440		5,440	160	5,599	0.67
3,527		3,527	104	3,630	0.52
3,527		3,527	104	3,630	0.52
3,585		3,585	105	3,690	0.22
3,527		3,527	104	3,630	0.52
3,527		3,527	104	3,630	0.52
4,037		4,037	118	4,155	0.49
4,037		4,037	118	4,155	0.49
4,037		4,037	118	4,155	0.49
4,037		4,037	118	4,155	0.49
3,519		3,519	103	3,622	0.28
3,527		3,527	104	3,630	0.52
3,925		3,925	115	4,040	0.20
3,910		3,910	115	4,024	0.76
3,400		3,400	100	3,499	0.79
3,910		3,910	115	4,024	0.76
3,400		3,400	100	3,499	0.79
3,400		3,400	100	3,499	0.79
3,400		3,400	100	3,499	0.79
3,400		3,400	100	3,499	0.79
3,400		3,400	100	3,499	0.79
3,400		3,400	100	3,499	0.79
3,400		3,400	100	3,499	0.79
3,215		3,215	94	3,309	0.36

(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thường			
Stt	Họ và tên	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm
779	Đoàn Huỳnh Ngọc Diễm	PRO	12.0
780	Vũ Thị Bích Thủy	PRO	8.6
781	Lê Anh Trường	PRO	12.0
782	Nguyễn Thị Minh Hoài	PRO	12.0
783	Dương Văn Tân	PRO	9.6
784	Vũ Hoàng Hải	PRO	12.0
785	Hồ Văn Nền	PRO	12.0
786	Trương Văn Vũ	PRO	12.0
787	Nguyễn Tấn Mẫn	PRO	12.0
788	Bùi Thị Yến	PRO	12.0
789	Trần Thị Cẩm Nhung	PRO	12.0
790	Nguyễn Hoàng Minh Toàn	PRO	9.2
791	Nguyễn Thị Tâm	PRO	12.0
792	Nguyễn Thị Thanh Hiền	PRO	12.0
793	Khúc Hoàng Anh	PRO	12.0
794	Trần Ngọc Thắm	PRO	12.0
795	Trần Minh Quân	PRO	12.0
796	Nguyễn Thanh Quang	PRO	12.0
797	Lương Thị Diễm	PRO	12.0
798	Cổ Đặng Uyên Nhi	PRO	8.6
799	Đinh Thị Thanh Tâm	PRO	9.7
800	Nguyễn Viết Tuấn	PRO	12.0
801	Lý Quốc Việt	PRO	12.0
802	Trần Việt Linh	PRO	12.0
803	Lê Xuân Phương	PRO	9.9
804	Đỗ Thị Xuân Thủy	PRO	12.0
805	Phạm Thị Thu Hiền	PRO	12.0
806	Hoàng Hồng Khánh	PRO	7.0
807	Phạm Thủy Dương	PRO	6.1
808	Tăng Thiên Phước	PRO	9.0
809	Dương Ngọc Quang Tâm	PRO	3.5
810	Nguyễn Tiến Du	PRO	6.9
811	Huỳnh Thị Thuý Tiên	PRO	7.2
812	Ngô Thị Trang	PRO	12.0
813	Vũ Thị Loan	PRO	7.3
814	Đinh Vũ Đức Hùng	PRO	6.4
815	Bùi Hải Bằng	PRO	6.5
816	Trần Đình Thực Anh	PRO	6.0
817	Hồ Thị Hoài	PRO	7.8
818	Nguyễn Văn Anh	PRO	6.0
819	Nguyễn Trí Chúc	PRO	7.5
820	Phạm Văn Hà	PRO	6.0
821	Đinh Thị Giang Thanh	PRO	5.8
822	Hà Tiến Dũng	PRO	5.3
823	Đinh Quang Đạt	PRO	5.7
824	Nguyễn Như Đạt	PRO	5.1
825	Trần Thanh Tâm	PRO	5.3
826	Bùi Ngọc Việt	PRO	3.9
827	Lê Vũ Linh	PRO	5.3

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
CP đã phân bổ [a]	CP phân bổ điều chỉnh [b]	CP phân bổ bổ sung [c]		Tổng số CP được phân bổ = [a] + [b] + [c]	
Theo danh sách CBNV dự kiến ngày 25.06.2026	Phân bổ điều chỉnh cho bà Vũ Thu Hà	CP được sử dụng làm cơ sở tính tỷ lệ	CP được phân bổ bổ sung theo tỷ lệ	Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
3,145		3,145	92	3,237	0.31
3,638		3,638	107	3,744	0.78
3,145		3,145	92	3,237	0.31
3,145		3,145	92	3,237	0.31
3,117		3,117	91	3,208	0.48
3,017		3,017	89	3,105	0.55
3,017		3,017	89	3,105	0.55
3,017		3,017	89	3,105	0.55
3,017		3,017	89	3,105	0.55
3,017		3,017	89	3,105	0.55
4,952		4,952	145	5,097	0.34
3,017		3,017	89	3,105	0.55
3,017		3,017	89	3,105	0.55
3,017		3,017	89	3,105	0.55
3,017		3,017	89	3,105	0.55
3,017		3,017	89	3,105	0.55
3,017		3,017	89	3,105	0.55
2,890		2,890	85	2,974	0.82
2,904		2,904	85	2,989	0.23
2,944		2,944	86	3,030	0.41
2,890		2,890	85	2,974	0.82
2,635		2,635	77	2,712	0.34
2,635		2,635	77	2,712	0.34
2,489		2,489	73	2,562	0.05
2,507		2,507	74	2,580	0.58
2,380		2,380	70	2,449	0.85
2,280		2,280	67	2,346	0.92
2,311		2,311	68	2,378	0.83
2,254		2,254	66	2,320	0.16
2,271		2,271	67	2,337	0.65
2,259		2,259	66	2,325	0.30
2,203		2,203	65	2,267	0.66
2,125		2,125	62	2,187	0.37
2,145		2,145	63	2,207	0.96
2,142		2,142	63	2,204	0.87
2,038		2,038	60	2,097	0.82
5,113		5,113	150	5,263	0.07
1,969		1,969	58	2,026	0.79
1,891		1,891	56	1,946	0.50
1,877		1,877	55	1,932	0.09
1,880		1,880	55	1,935	0.18
1,817		1,817	53	1,870	0.33
1,726		1,726	51	1,776	0.66
1,736		1,736	51	1,786	0.95
1,597		1,597	47	1,643	0.87
1,614		1,614	47	1,661	0.37
1,547		1,547	45	1,592	0.40
2,796		2,796	82	2,878	0.06

(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thường			
Stt	Họ và tên	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm
828	Trần Anh Khoa	PRO	3.7
829	Cao Tiểu Độ	PRO	5.8
830	Tô Bửu Hoàng	PRO	4.6
831	Trần Thị Thủy An	PRO	3.2
832	Võ Ngọc Anh Thư	PRO	3.9
833	Nguyễn Xuân Dương	PRO	3.7
834	Dương Huỳnh Ngọc Châu	PRO	3.5
835	Võ Kim Long	PRO	3.7
836	Hoàng Quốc Sơn	PRO	3.9
837	Đào Mai Phương	PRO	3.9
838	Nguyễn Tất Phước	PRO	3.3
839	Hoàng Công Bách	PRO	4.6
840	Nguyễn Hữu Anh	PRO	3.5
841	Đỗ Thu Hường	PRO	3.5
842	Ngô Thị Vĩnh Phương	PRO	3.3
843	Nguyễn Lương Đạt	PRO	3.2
844	Kiểu Nguyễn Hương Giang	PRO	3.5
845	Nguyễn Tuấn Tuấn	PRO	3.3

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
CP đã phân bổ [a]	CP phân bổ điều chỉnh [b]	CP phân bổ bổ sung [c]		Tổng số CP được phân bổ = [a] + [b] + [c]	
Theo danh sách CBNV dự kiến ngày 25.06.2026	Phân bổ điều chỉnh cho bà Vũ Thu Hà	CP được sử dụng làm cơ sở tính tỷ lệ	CP được phân bổ bổ sung theo tỷ lệ	Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
1,533		1,533	45	1,577	0.99
1,450		1,450	43	1,492	0.56
1,460		1,460	43	1,502	0.85
1,368		1,368	40	1,408	0.15
1,300		1,300	38	1,338	0.16
1,256		1,256	37	1,292	0.86
1,240		1,240	36	1,276	0.39
1,194		1,194	35	1,229	0.04
1,187		1,187	35	1,221	0.84
1,187		1,187	35	1,221	0.84
1,168		1,168	34	1,202	0.28
1,165		1,165	34	1,199	0.19
1,092		1,092	32	1,124	0.05
1,055		1,055	31	1,085	0.96
1,029		1,029	30	1,059	0.20
984		984	29	1,012	0.88
871		871	26	896	0.56
821		821	24	845	0.10
7,808,386	23,100	7,831,486	168,514	7,999,561	439